

Số: /BC-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 8 năm 2023

## BÁO CÁO

### Đánh giá giữa kỳ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Kính gửi: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Thực hiện Công văn số 2346/LĐTĐBXH-VPQGNN ngày 26/6/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc tổ chức đánh giá giữa kỳ Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, UBND tỉnh Lạng Sơn báo cáo việc tổ chức đánh giá giữa kỳ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh như sau:

Trong những năm qua, công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh luôn được các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và toàn xã hội quan tâm, thực hiện đồng bộ, kịp thời góp phần đẩy mạnh công tác giảm nghèo nhanh và bền vững, để triển khai đầy đủ, kịp thời các chính sách của trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch và các chính sách đặc thù của tỉnh để hỗ trợ công tác giảm nghèo nhanh và bền vững, từ đó giải quyết kịp thời các vấn đề cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo, thôn, xã và huyện nghèo về nhà ở, đất ở, đất sản xuất, khám, chữa bệnh, học tập, vay vốn, cơ sở hạ tầng... Kết quả huy động nguồn lực được tập trung, mặc dù điều kiện kinh tế của tỉnh còn khó khăn nhưng tỉnh đã quan tâm dành một phần ngân sách để thực hiện các nội dung đối ứng như tín dụng, xây dựng cơ sở hạ tầng, đặc biệt là chính sách hỗ trợ đặc thù; việc sử dụng vốn huy động đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội (ASXH), nâng cao đời sống của một bộ phận người dân thuộc hộ nghèo, người dân vùng đặc biệt khó khăn (ĐBKK), vùng an toàn khu, biên giới góp phần đảm bảo ASXH.

Theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025, năm 2021, toàn tỉnh có 23.511 hộ nghèo, chiếm 12,2%, số hộ cận nghèo là 23.247 hộ, chiếm 12,06%; tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh năm 2022 là 8,92% (giảm 3,28% so với năm 2021, tương đương giảm 6.013 hộ), đạt 109% kế hoạch. Năm 2023 công tác giảm nghèo tiếp tục được đẩy mạnh triển khai thực hiện, kế hoạch giảm tỷ lệ nghèo đa chiều từ 3% trở lên.

## I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH

### 1. Công tác chỉ đạo, điều hành chương trình

*1.1. Công tác thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG ở các cấp*

### a) Cấp tỉnh

- Năm 2021, Ban Chỉ đạo (BCĐ) các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh luôn được rà soát, kiện toàn (Quyết định số 1899/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 của UBND tỉnh); UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 thành lập BCĐ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 136/QĐ-BCĐ ngày 17/8/2021 của BCĐ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2021 - 2025 về Quy chế hoạt động của BCĐ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh.

- Năm 2022, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 23/3/2022 thành lập BCĐ các Chương trình MTQG tỉnh giai đoạn 2021 - 2025. BCĐ các Chương trình MTQG tỉnh đã ban hành Quyết định số 95/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 13/6/2022 về Quy chế hoạt động của BCĐ các Chương trình MTQG tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 để triển khai thực hiện. BCĐ các Chương trình MTQG tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 ban hành Quyết định số 7648/QĐ-BCĐ ngày 20/9/2022 về việc thành lập Tổ công tác thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2025.

### b) Cấp huyện

Tất cả 11 huyện, thành phố thành lập BCĐ các Chương trình MTQG và thường xuyên rà soát, kiện toàn, bổ sung kịp thời, đồng thời xây dựng quy chế hoạt động để chỉ đạo thực hiện tốt Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn và thành lập BCĐ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn và hằng năm. BCĐ các Chương trình MTQG huyện, thành phố giai đoạn 2021 - 2025 ban hành Quyết định thành lập Tổ công tác thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững cấp huyện giai đoạn 2021 - 2025.

## ***1.2. Đánh giá tình hình lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, phối hợp của Ban Chỉ đạo các cấp***

Việc xây dựng BCĐ thống nhất cho 03 Chương trình MTQG ở từng cấp đã phát huy được vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành giữa các cấp, ngành tập trung thống nhất, xuyên suốt; phát huy trách nhiệm người đứng đầu, phân công, phân cấp trách nhiệm từng cấp, từng ngành, từng thành viên BCĐ. UBND các cấp đã kịp thời chỉ đạo, triển khai nhiệm vụ cụ thể đến các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, qua đó hoàn thành các nhiệm vụ đảm bảo thời gian theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và điều kiện thực tế của địa phương. Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện còn gặp một số khó khăn, vướng mắc như sau: (1) chưa có hướng dẫn thống nhất của trung ương về tổ chức, biên chế, nhiệm vụ của bộ máy giúp việc BCĐ (là tổ công tác hay là văn phòng điều phối); (2) chưa rõ nội dung quy định về kinh phí, cơ chế hoạt động, điều hành của BCĐ ở cấp tỉnh; (3) tại điểm b khoản 4 mục I Nghị quyết số 155/NQ-CP ngày 08/12/2021 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 11/2021 quy định trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với cơ quan, địa phương: “b) Tham mưu, đề xuất Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương

*trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trong tháng 12 năm 2021 có chỉ đạo, hướng dẫn để thống nhất các nguyên tắc thành lập, cơ chế hoạt động của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh các chương trình mục tiêu quốc gia, đảm bảo hoạt động của Ban Chỉ đạo từ Trung ương đến địa phương xuyên suốt, hiệu lực, hiệu quả".* Để đảm bảo thời gian triển khai thực hiện, UBND tỉnh đã chủ động thành lập và ban hành quy chế hoạt động của BCD các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 trên cơ sở các văn bản hướng dẫn hiện hành (tháng 4 - 6/2022).

### **1.3. Kết quả ban hành văn bản quản lý, điều hành theo quy định**

Nhằm triển khai kịp thời, hiệu quả Nghị quyết của Chính phủ và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành các nghị quyết, chính sách và văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững cơ bản kịp thời, đầy đủ để triển khai thực hiện, trong đó: UBND tỉnh tham mưu Ban cán sự đảng UBND tỉnh trình Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành 01 Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, tham mưu trình HĐND tỉnh ban hành 14 Nghị quyết, UBND tỉnh ban hành 13 Quyết định, 16 Kế hoạch, Hướng dẫn Chương trình MTQG nói chung và Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh nói riêng; cơ quan được giao chủ quản Chương trình là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, quản lý, điều hành khác để triển khai thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh.

## **2. Công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp trong chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện Chương trình**

Hiện nay, hệ thống văn bản pháp luật, văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện các Chương trình MTQG đã cơ bản được các bộ, ngành Trung ương ban hành để triển khai thực hiện, UBND tỉnh đã giao các cơ quan chuyên môn rà soát, thông báo, triển khai 100% văn bản pháp luật và hướng dẫn thực hiện của Trung ương đến các cơ quan, UBND các huyện, thành phố. Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Trung ương, UBND tỉnh đã phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng sở, ban, ngành trong triển khai thực hiện và hướng dẫn các đơn vị cấp dưới triển khai thực hiện các Chương trình MTQG và Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; đồng thời, rà soát, ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể đối với những nội dung hướng dẫn của Trung ương chưa thể hiện hết hoặc mang tính đặc thù của địa phương, văn bản triển khai các Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh. Công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành, các cấp cơ bản được đảm bảo và đồng bộ với bộ, ngành trung ương chủ trì dự án, tiểu dự án.

## **3. Kết quả xây dựng chính sách quản lý, tổ chức thực hiện**

Các văn bản về cơ chế, chính sách, quản lý, điều hành của tỉnh được triển khai đồng bộ, kịp thời trong năm 2022 cùng với hệ thống văn bản pháp lý của trung ương là cơ sở quan trọng cho các cấp cơ sở triển khai thực hiện Chương trình đảm bảo đúng mục tiêu, nhiệm vụ, phạm vi, đối tượng thụ hưởng, góp

phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là đối với tỉnh miền núi, biên giới còn nhiều khó khăn đặc thù như tỉnh Lạng Sơn, kết quả triển khai thực hiện Chương trình năm 2022: tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm 3,28%; tỷ lệ hộ nghèo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số giảm: 3,15%, đảm bảo mục tiêu Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022.

- Khó khăn, vướng mắc: (1) hiện nay, chưa có hướng dẫn thống nhất của Trung ương về tổ chức, biên chế, nhiệm vụ của bộ máy giúp việc BCD (là tổ công tác hay là văn phòng điều phối); chưa rõ nội dung quy định về kinh phí, cơ chế hoạt động, điều hành của BCD ở cấp tỉnh, UBND tỉnh hiện nay đang rà soát, xây dựng 01 Văn phòng Điều phối chung cho 03 Chương trình MTQG, tuy nhiên, còn nhiều ý kiến chưa thống nhất về việc đề xuất thành lập Văn phòng điều phối chung nêu trên; (2) một số nội dung triển khai của Chương trình chưa phù hợp với thực tế dẫn đến nguồn lực lớn nhưng không thực hiện được (Dự án 4), cần sớm có thêm hướng dẫn của cấp trên để địa phương triển khai thực hiện.

#### **4. Công tác truyền thông, thông tin về Chương trình**

Các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đã tổ chức tuyên truyền, cụ thể hóa các nghị quyết, quyết định, văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 như: Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 12/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ triển khai Nghị quyết số 24/2021/QH15, Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG; các thông tư liên quan của các bộ chuyên ngành hướng dẫn thực hiện Chương trình.

Công tác tuyên truyền, phổ biến các chính sách hỗ trợ giảm nghèo được chú trọng, nhận thức của hệ thống chính trị, người dân trên địa bàn về giảm nghèo được nâng cao tạo sự đồng thuận, ủng hộ của người dân, khuyến khích, động viên người dân nỗ lực vươn lên thoát nghèo. Công tác tuyên truyền vận động được các cơ quan chức năng, UBND các huyện, thành phố quan tâm triển khai thực hiện, trong đó chú trọng đến việc nhân rộng, giới thiệu các cá nhân, tập thể, hộ gia đình tiêu biểu có ý chí vươn lên thoát nghèo. Tổng số tin, bài đã phát trên sóng phát thanh, truyền hình và các trang thông tin điện tử langson.tv.vn, tuyentruyen.langson.gov.vn về thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo được trên 600 tin, bài, phóng sự.

#### **5. Hoạt động theo dõi, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình**

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG; Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương

binh và Xã hội hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 171/KH-UBND ngày 02/8/2022 giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn nhằm theo dõi, kiểm tra việc chấp hành quy định về quản lý Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh; kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện Chương trình ở các cấp địa phương, xác định mức độ đạt được theo mục tiêu, chỉ tiêu qua đó đề xuất các giải pháp và kiến nghị trong tổ chức thực hiện. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và 11 huyện, thành phố đã thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo; rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo ở các cấp... được 50 cuộc. Dự kiến đến hết ngày 31/12/2023 sẽ thực hiện kiểm tra, giám sát 30 cuộc về công tác giảm nghèo bền vững.

## **II. TÌNH HÌNH HUY ĐỘNG, PHÂN BỐ VÀ SỬ DỤNG VỐN**

### **1. Cân đối nguồn lực từ ngân sách nhà nước**

#### ***1.1. Tổng nguồn vốn Chương trình năm 2021 - 2023 và giai đoạn 2021 - 2025***

Thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 2068/QĐ-TTg ngày 08/12/2021 bổ sung dự toán năm 2021 thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động; số 652/QĐ-TTg giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 03 Chương trình MTQG; số 653/QĐ-TTg giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 Chương trình MTQG; số 147/QĐ-TTg giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 Chương trình MTQG và điều chỉnh một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ của 03 Chương trình MTQG tại Quyết định số 652/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh phê duyệt Kế hoạch vốn thực hiện 03 Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025, UBND tỉnh đã giao kế hoạch vốn thực hiện các Chương trình MTQG, cụ thể như sau:

\* Tổng kế hoạch vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 được cấp có thẩm quyền giao: 577.601 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương 560.778 triệu đồng; ngân sách địa phương đối ứng 16.823 triệu đồng.

\* Vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2023 được cấp có thẩm quyền giao: 571.071 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương 554.439 triệu đồng; ngân sách địa phương đối ứng 16.633 triệu đồng.

- Kế hoạch vốn ngân sách nhà nước Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2021: 7.692 triệu đồng (gồm vốn sự nghiệp là 7.692 triệu đồng).

+ Ngân sách trung ương: 7.692 triệu đồng, gồm vốn sự nghiệp 7.692 triệu đồng.

+ Ngân sách địa phương đối ứng: 0.

- Kế hoạch vốn ngân sách nhà nước Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2022: 226.111 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư phát triển 161.686 triệu đồng; vốn sự nghiệp 4.425 triệu đồng), trong đó:

+ Ngân sách trung ương 219.526 triệu đồng, gồm: vốn đầu tư phát triển 156.977 triệu đồng; vốn sự nghiệp 62.549 triệu đồng.

+ Ngân sách địa phương đối ứng 6.585 triệu đồng, gồm: vốn đầu tư phát triển 4.709 triệu đồng; vốn sự nghiệp 1.876 triệu đồng.

- Kế hoạch vốn ngân sách nhà nước Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023: 344.961 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư phát triển: 171.230 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 173.741 triệu đồng), trong đó:

+ Ngân sách trung ương 334.913 triệu đồng, gồm: vốn đầu tư phát triển 166.232 triệu đồng; vốn sự nghiệp 168.681 triệu đồng.

+ Ngân sách địa phương đối ứng 10.048 triệu đồng, gồm: vốn đầu tư phát triển 4.988 triệu đồng; vốn sự nghiệp 5.060 triệu đồng.

### ***1.2. Giải ngân năm 2021, 2022 và ước thực hiện năm 2023***

- Vốn năm 2021: ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp) 9.456,1/9.692 triệu đồng, đạt 97,5% kế hoạch vốn giao (giải ngân trong năm 2022).

- Vốn năm 2022 ngân sách trung ương (đầu tư phát triển và sự nghiệp): 77.027/226.111 triệu đồng, đạt 34,066% kế hoạch vốn giao; ngân sách địa phương (đầu tư phát triển và sự nghiệp) 1.068/6.585 triệu đồng, đạt 16,22% kế hoạch vốn giao.

Nguyên nhân của việc giải ngân vốn đạt thấp là do đây là năm đầu tiên triển khai Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, trung ương phân bổ vốn chậm, hệ thống văn bản chỉ đạo, hướng dẫn chưa đầy đủ, còn chậm. Phần lớn các dự án đến thời điểm báo cáo, các huyện, thành phố đang trong quá trình xây dựng dự án, chưa thực hiện giải ngân được trong năm 2022, đề nghị chuyển sang thực hiện năm 2023.

- Vốn năm 2023: thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững 6 tháng đầu năm 2023 ngân sách trung ương (đầu tư phát triển và sự nghiệp): 23.303/334.913 triệu đồng, đạt 7% kế hoạch vốn giao năm 2023. Đồng thời, huy động các nguồn lực khác (hỗ trợ ngày công và hiện vật quy đổi) thực hiện Chương trình đạt 3.755 triệu đồng.

- Ước thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023: thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo năm 2023 ngân sách trung ương (đầu tư phát triển và sự nghiệp) 316.704/334.913 triệu đồng, đạt 94,563% kế hoạch vốn giao năm 2023; ngân sách địa phương (đầu tư phát triển và sự nghiệp) 5.851/6.585 triệu đồng, đạt 88,853% kế hoạch vốn giao. Đồng thời, huy động các nguồn lực khác (hỗ trợ ngày công và hiện vật quy đổi) thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

## 2. Nguồn vốn tín dụng

Tổng dư nợ cho vay hộ nghèo đến thời điểm tháng 12/2021 đạt 753.709 triệu đồng, tổng số hộ nghèo dư nợ 15.226 hộ; cho vay học sinh, sinh viên 146 người với doanh số cho vay 2.718 triệu đồng, tổng dư nợ cho vay học sinh, sinh viên đến thời điểm báo cáo là 18.866 triệu đồng; cho vay đối tượng thuộc hộ cận nghèo theo Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg ngày 23/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng cho vay hộ cận nghèo được 2.669 lượt hộ, doanh số 171.114 triệu đồng, dư nợ 491.267 triệu đồng; vay vốn sản xuất kinh doanh vùng ĐBKK đã cho 5.587 lượt hộ, tổng doanh số cho vay là 263.677 triệu đồng. Tổng dư nợ cho vay đối với hộ nghèo đến ngày 30/11/2022 là 806,7 tỷ đồng với 13.958 hộ còn dư nợ, đến ngày 30/6/2023 là 833,048 tỷ đồng với 13.397 hộ còn dư nợ.

## 3. Huy động nguồn lực khác

Ngay từ khi được giao kế hoạch vốn, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố đã chủ động xây dựng kế hoạch lồng ghép, huy động các nguồn lực khác triển khai thực hiện 03 Chương trình MTQG nói chung và thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững nói riêng; kết quả thực hiện trong năm 2022 và những tháng đầu năm 2023 đã huy động được 3.755 triệu đồng cho thực hiện chương trình.

## III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN, TIÊU DỰ ÁN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2021, NĂM 2022, 06 THÁNG NĂM 2023 VÀ ƯỚC ĐẾN NGÀY 31/12/2023

### 1. Kết quả thực hiện mục tiêu về giảm nghèo

#### 1.1. Kết quả thực hiện mục tiêu chính theo Quyết định số 652/QĐ-TTg (giảm tỷ lệ hộ nghèo 3%/năm)

- Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025: tỷ lệ nghèo đa chiều (gồm tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo) 19,28%, tổng số hộ 37.817 hộ, trong đó: tổng số hộ nghèo 17.497 hộ, tỷ lệ 8,92%; tổng số hộ cận nghèo 20.320 hộ, tỷ lệ 10,36%. Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh năm 2022 giảm 3,28% so với năm 2021 (từ 12,20% xuống 8,92%, tương đương giảm 6.013 hộ), đạt 109% kế hoạch.

- Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số là 95,23% trên tổng số hộ nghèo, tăng 0,24% so với năm 2021 (16.664 hộ/17.497 hộ); tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số là 10,42% trên tổng số hộ dân tộc thiểu số (16.664 hộ/159.826 hộ), giảm 3,15% so với năm 2021.

- Ước thực hiện năm 2023 (giảm tỷ lệ hộ nghèo 3%): UBND tỉnh đã xác định cụ thể mục tiêu nhiệm vụ năm 2023 ngay từ Quyết định giao kế hoạch vốn đầu năm, hiện nay tỉnh đang tập trung chỉ đạo các cấp, ngành khẩn trương triển khai các dự án, tiểu dự án thành phần, phân đấu hoàn thành mục tiêu đề ra.

#### 1.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo

- *Chỉ tiêu về việc làm*: hộ gia đình có ít nhất một người không có việc làm hoặc có việc làm công ăn lương nhưng không có hợp đồng lao động: toàn tỉnh có 8.232 hộ/37.817 hộ nghèo, hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 21,77%. Hộ gia đình có tỷ lệ người phụ thuộc trong tổng số nhân khẩu lớn hơn 50%: toàn tỉnh có 7.819 hộ/37.817 hộ nghèo, hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 20,68%.

- *Chỉ tiêu về y tế*: hộ gia đình có ít nhất một trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo độ tuổi hoặc suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi: toàn tỉnh có 2.021 hộ/37.817 hộ nghèo, hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 5,34%. Hộ gia đình có ít nhất một thành viên từ 06 tuổi trở lên không có thẻ bảo hiểm y tế: toàn tỉnh có 11.766 hộ/37.817 hộ nghèo, hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 31,11%.

- *Chỉ tiêu về giáo dục*: hộ gia đình có ít nhất một người trong độ tuổi từ 16 đến 30 tuổi không tham gia các khóa đào tạo hoặc không có bằng cấp, chứng chỉ giáo dục đào tạo so với độ tuổi tương ứng: toàn tỉnh có 4.201 hộ/37.817 hộ nghèo, hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 11,11%. Hộ gia đình có ít nhất một trẻ em từ 03 đến dưới 16 tuổi không được học đúng bậc, cấp học phù hợp với độ tuổi: toàn tỉnh có 386 hộ/37.817 hộ nghèo, hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 1,02%.

- *Chỉ tiêu về nhà ở*: hộ gia đình đang sống trong ngôi nhà/căn hộ thuộc loại không bền chắc: toàn tỉnh có 7.776 hộ/37.817 hộ nghèo, hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 20,56%. Hộ có diện tích nhà ở bình quân đầu người dưới 8m<sup>2</sup>/người: toàn tỉnh có 5.118 hộ/37.817 hộ nghèo, hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 13,53%.

- *Chỉ tiêu về nước sạch và vệ sinh*: hộ không tiếp cận được nguồn nước sạch trong sinh hoạt: toàn tỉnh có 4.575 hộ/37.817 hộ nghèo, hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 12,10%. Hộ không sử dụng hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh: toàn tỉnh có 24.182 hộ/37.817 hộ nghèo, hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 63,94%.

- *Chỉ tiêu về tiếp cận thông tin*: hộ gia đình không có thành viên nào sử dụng Internet toàn tỉnh có 7.887 hộ/37.817 hộ nghèo, hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 20,86%. Hộ gia đình không có phương tiện nào trong số các phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin: toàn tỉnh có 2.636 hộ/37.817 hộ nghèo, hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 6,97%.

## **2. Kết quả thực hiện các dự án thành phần của Chương trình**

### **2.1. Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo**

a) Tiêu dự án 1: hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo (Văn Quan, Bình Gia)

Hiện các huyện đang triển khai thực hiện, lồng ghép tại các xã vùng III phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định, các nhóm công trình đầu tư trọng tâm bao gồm giao thông, trường học, nhà văn hóa xã, thôn, cơ sở y tế... Đến thời điểm hiện tại đã triển khai đạt 82,35% kế hoạch vốn 2022 - 2023.

b) Tiêu dự án 2: triển khai Đề án hỗ trợ huyện Văn Quan thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 880/QĐ-TTg



UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 213/KH-UBND ngày 15/10/2022 về hỗ trợ huyện Văn Quan thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025; Thủ tướng Chính phủ đã giao bổ sung kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025 cho tỉnh tại Quyết định số 147/QĐ-TTg và giao kế hoạch vốn năm 2023 để triển khai thực hiện, hiện nay UBND tỉnh đang tập trung rà soát, trình HĐND tỉnh phê duyệt phương án phân bổ bổ sung kế hoạch vốn, đồng thời chủ động thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư các dự án đã được dự kiến danh mục theo kế hoạch.

## **2.2. Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**

Hiện nay, các huyện, thành phố đang phối hợp, hướng dẫn, đôn đốc cấp xã khẩn trương triển khai giải ngân nguồn vốn được phân bổ, phối hợp với xã xác định thôn và nội dung hỗ trợ, hướng dẫn xã thực hiện triển khai cho các hộ dân đăng ký đảm bảo đúng đối tượng. Năm 2022 đã thực hiện giải ngân đạt 3,75% nguồn vốn, số vốn còn lại đề xuất chuyển nguồn sang thực hiện năm 2023. Năm 2023 dự kiến thực hiện 99 mô hình giảm nghèo trên địa bàn toàn tỉnh, chủ yếu là mô hình chăn nuôi, trồng cây dược liệu, cây ăn quả... Đến thời điểm báo cáo, có 26 mô hình (huyện Bình Gia: 05 mô hình; huyện Đình Lập: 05 mô hình; huyện Văn Lãng: 05 mô hình; huyện Chi Lăng: 05 mô hình; huyện Cao Lộc: 04 mô hình; huyện Lộc Bình: 02 mô hình). Hiện nay, các huyện, thành phố đang hướng dẫn, đôn đốc cấp xã khẩn trương triển khai giải ngân nguồn vốn được phân bổ, phối hợp với xã xác định thôn và nội dung hỗ trợ, thực hiện triển khai cho các hộ dân đăng ký đảm bảo đúng đối tượng. Ước thực hiện đạt 98% kế hoạch (vốn năm 2023: 99,5%; vốn năm 2022 kéo dài: 97,5%).

## **2.3. Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng**

### **a) Tiêu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp**

Toàn tỉnh dự kiến triển khai 94 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất. Nội dung hỗ trợ: giống cây trồng, vật nuôi, phân bón. Hiện nay, UBND các huyện, thành phố đã chỉ đạo các xã phổ biến, tuyên truyền đến đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, phụ nữ thuộc hộ nghèo..., đăng ký thực hiện dự án; triển khai xây dựng dự án, phương án hỗ trợ sản xuất, kết quả giải ngân nguồn vốn đến hết tháng 12/2022 đạt 8,8% kế hoạch vốn giao. Đến thời điểm hiện tại đã triển khai đạt 49,2% kế hoạch vốn 2022 - 2023.

### **b) Tiêu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng**

Năm 2022, tỉnh không được trung ương phân bổ kinh phí để triển khai thực hiện. Năm 2023 ngân sách phân bổ 4.789 triệu đồng, trong đó ngân sách trung ương phân bổ 2.060,3 triệu đồng, ngân sách đối ứng 43,03 triệu đồng. Kinh phí được phân bổ cho 11 huyện, thành phố triển khai thực hiện. Hoạt động cải thiện dinh dưỡng đã được trung tâm y tế các huyện, thành phố triển khai hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo. Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi). Tổ chức tập huấn

nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ tuyến xã. Tập huấn truyền thông kiến thức dinh dưỡng hợp lý cho cộng tác viên y tế thôn bản đang được triển khai, nhằm nâng cao chất lượng, năng lực hoạt động chương trình tại các tuyến. Hiện nay trung tâm y tế các huyện đã tổ chức triển khai được 02 lớp tập huấn cho cán bộ chuyên trách dinh dưỡng tuyến xã, với 78 học viên tham dự. Đến thời điểm hiện tại đã triển khai được 43,03% kế hoạch vốn.

#### **2.4. Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững**

##### **a) Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững**

- Với nguồn vốn được giao năm 2022 các huyện, thành phố đã chủ động phối hợp với Chi cục Thống kê tổ chức khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề, truyền thông hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm, tiến độ thực hiện đạt 80%; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng kế hoạch, dự toán và triển khai thực hiện, đã thực hiện giải ngân được 225,245 triệu đồng; kinh phí phân bổ cho Trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn là 9.000 triệu đồng để thực hiện Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động (ngân sách trung ương 9.000 triệu đồng); Trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn đã triển khai mua sắm thiết bị nghề cho Khoa Cơ khí, Khoa Điện - Điện tử: 6.111,702 triệu đồng; nâng cấp xưởng thực hành Khoa Cơ khí 2.652,488 triệu đồng. Huy dự toán: 235,810 triệu đồng.

- Năm 2023: với nguồn vốn được giao đã triển khai thực hiện công tác đào tạo nghề, có 5/11 huyện mở được 32 lớp với trên 1.100 học viên; tổ chức tư vấn, tuyên truyền định hướng nghề và giới thiệu việc làm cho trên 4.000 học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh nhằm tạo sự chuyển biến trong công tác phân luồng học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp; hỗ trợ công tác tuyển sinh, hướng nghiệp, lập nghiệp, khởi nghiệp. Xây dựng nguồn lao động có kỹ năng nghề cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; phát 3.500 bộ tờ rơi về thông báo tuyển dụng các vị trí việc làm trong tỉnh và ngoài tỉnh, xuất khẩu lao động, hoạt động sản giao dịch việc làm cho học sinh, sinh viên, người lao động. Đến thời điểm hiện tại đã triển khai được 38,58% kế hoạch vốn 2022 - 2023.

##### **b) Tiểu dự án 2. Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng**

Hiện tại, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã ký hợp đồng đặt hàng với công ty hoạt động dịch vụ đưa lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Đến nay công ty đã và đang triển khai đào tạo ngoại ngữ cho người lao động trên địa bàn 2 huyện nghèo với số lượng 120 lao động, trong đó 80% là nữ. Ngoài ra kinh phí được cấp còn để hỗ trợ cho lao động đi làm việc ở nước ngoài theo công ty khác (dự ước khoảng 35 lao động). Dự kiến triển khai đạt 70,1% kế hoạch vốn, đến hết năm 2023 đạt 100% kế hoạch vốn.

##### **c) Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững**

Mục tiêu: cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, kết quả giải ngân nguồn vốn đến hết tháng 12/2022 đạt 16,3% kế hoạch vốn giao, do chỉ thực hiện đối với nội dung hỗ trợ giao dịch việc làm. Năm 2023, đến thời điểm hiện tại chưa thực hiện giải ngân được thêm vốn theo kế hoạch giao.

Đối với nội dung cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc chưa thực hiện được do theo quy định tại Thông tư số 11/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, nội dung này do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng và quản lý.

### **2.5. Dự án 5. Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo**

- Năm 2022, tỉnh không được trung ương phân bổ kinh phí để triển khai thực hiện.

- Năm 2023, căn cứ hướng dẫn tại Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, UBND tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện các trình tự, thủ tục lập, phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn theo yêu cầu của Bộ Xây dựng tại Quyết định số 318/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 của UBND tỉnh, nội dung Đề án gồm xây mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở hiện có; đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m<sup>2</sup> “3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng) và tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên. Theo Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo tỉnh Lạng Sơn thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 tại Quyết định số 318/QĐ-UBND, dự kiến làm mới và sửa chữa cho khoảng 2.092 nhà cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn, đã hỗ trợ sửa chữa, làm mới được 377 nhà, đạt 52,6% kế hoạch vốn. Hiện nay tỉnh đang rà soát, ban hành định mức chi hỗ trợ đối với vốn ngân sách địa phương để triển khai thực hiện.

### **2.6. Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin**

#### **a) Tiêu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin**

Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ một số nội dung giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh và đề xuất chuyển kinh phí thực hiện Tiêu dự án 1 thuộc Dự án 6 năm 2022 sang năm 2023 để triển khai thực hiện.

Đối với UBND các huyện, thành phố đã ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện; tổ chức hội nghị tập huấn, tuyên truyền tại xã, huyện; xây dựng dự toán; sửa chữa nâng cấp cụm loa truyền thông tại các thôn, xã.

Kết quả thực hiện đến hết tháng 12/2022 đạt 17,7% kế hoạch; đến thời điểm hiện tại đạt 35,34% kế hoạch vốn giai đoạn 2022 - 2023.

b) Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

Hiện nay Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND các huyện, thành phố đã xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững; tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo; xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới; phát triển hoạt động trang thông tin điện tử về giảm nghèo... Kết quả thực hiện đến hết tháng 12/2022 là đạt 95,2% kế hoạch; thời điểm hiện tại đạt 56,63% kế hoạch vốn giai đoạn 2022 - 2023.

**2.7. Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình**

a) Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

Đã thực hiện xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; chú trọng các nội dung thực hiện Chương trình, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin. Nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý, công tác xã hội, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo, đối tượng yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn; tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm; tổ chức hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức được 09 lớp tập huấn nâng cao năng lực giảm nghèo cho trên 2.100 cán bộ và cộng tác viên là trưởng thôn làm công tác giảm nghèo thuộc 04 cấp tỉnh, huyện, xã, thôn. 100% huyện, thành phố tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho thành viên BCD cấp huyện, xã và cộng tác viên làm công tác giảm nghèo cấp thôn trên địa bàn cấp huyện, kết quả thực hiện đến hết tháng 12/2022 đạt 75,8% kế hoạch vốn giao; thời điểm hiện tại đạt 51,06% kế hoạch vốn giai đoạn 2022 - 2023.

b) Tiểu dự án 2. Giám sát, đánh giá

Hiện nay đơn vị đã thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo; rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo ở các cấp... được trên 50 cuộc. Đối với nội dung liên quan xây dựng phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo cấp tỉnh, huyện, xã cần nhiều thời gian để triển khai, do vậy dự kiến thực hiện xây dựng phần mềm đề nghị chuyển sang thực hiện trong năm 2023 là 530 triệu đồng, kinh phí phân bổ cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, kết quả thực hiện đến hết tháng 12/2022 đạt 42,6% kế hoạch vốn giao. Năm 2023, các sở được giao kinh phí, UBND các huyện, thành

phổ đã thực hiện kiểm tra, giám sát đạt 30,77% kế hoạch. Riêng nội dung xây dựng phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo hiện đang thực hiện các bước xây dựng phần mềm, dự kiến đến hết năm 2023 sẽ thực hiện đạt 100% kế hoạch vốn 2022 - 2023.

#### **IV. HIỆU QUẢ, TÁC ĐỘNG CỦA CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO**

##### **1. Kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo thường xuyên**

###### ***1.1. Chính sách hỗ trợ y tế cho người nghèo***

Trong năm 2021, toàn tỉnh đã cấp 269.316 thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng là người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và người dân tộc thiểu số với tổng kinh phí là 214.520 triệu đồng (trong đó 14.344 thẻ hộ nghèo, 20.098 thẻ hộ cận nghèo và 234.884 thẻ người dân tộc thiểu số). Năm 2022, toàn tỉnh đã cấp 254.367 thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng là người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và người dân tộc thiểu số với tổng kinh phí là 99.301 triệu đồng (trong đó 19.347 thẻ hộ nghèo, 23.174 thẻ hộ cận nghèo và 211.846 thẻ người dân tộc thiểu số). Chính sách hỗ trợ y tế đã góp phần giảm thiểu chi phí khám chữa bệnh cho người nghèo, giúp người nghèo tiếp cận được dịch vụ công về khám chữa bệnh của Nhà nước, nâng cao sức khỏe Nhân dân góp phần thực hiện chính sách ASXH và giảm nghèo.

###### ***1.2. Chính sách hỗ trợ giáo dục cho con hộ nghèo***

- Trong năm 2021, tỉnh đã hỗ trợ học phí, chi phí học tập và miễn giảm học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ cho 78.394 lượt học sinh với kinh phí là 48.785 triệu đồng. Thực hiện chính sách hỗ trợ gạo cho học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ cho 35.618 học sinh với tổng số 4.808 tấn (*học kỳ I năm học 2021 - 2022 đã cấp được 2.670 tấn*).

- Trong năm 2022, tỉnh thực hiện hỗ trợ học phí, chi phí học tập và miễn giảm học phí học kỳ II năm học 2021 - 2022 và học kỳ I năm học 2022 - 2023 theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ cho 32.405 lượt học sinh với kinh phí là 17.528 triệu đồng. Thực hiện chính sách hỗ trợ gạo cho học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP cho 29.551 học sinh với tổng số 3.697 tấn; tặng quà tết, hỗ trợ học sinh nghèo đi học từ Quỹ Vì người nghèo với tổng số tiền: 1.806,5 triệu đồng.

###### ***1.3. Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm***

- Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm tiếp tục được quan tâm thực hiện, trong năm 2021, giải quyết việc làm mới cho khoảng 14.100 lao động, đạt 100,7% kế hoạch, trong đó Quỹ quốc gia về việc làm và nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm của tỉnh cho vay 92.607 triệu đồng với 2.235 dự án; tổ chức dạy nghề cho 11.370 người; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 57,2% tăng 1,2% so với năm 2020.

- Năm 2022, giải quyết việc làm mới cho khoảng 17.000 lao động trên địa bàn tỉnh, đạt 113,3% kế hoạch, trong đó: thông qua chương trình cho vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm và các nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm đã tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm cho khoảng 7.000 lao động với 5.534 lao động được giải quyết việc làm bền vững, khoảng 1.500 lao động hỗ trợ thực hiện dự án vay vốn; trên 3.000 lao động được tạo việc làm mới từ chương trình đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, thương mại, du lịch, phát triển doanh nghiệp của tỉnh trong đó có trên 500 lao động đã xuất cảnh đi làm việc tại nước ngoài theo hợp đồng (chủ yếu là Nhật Bản và Đài Loan); trên 7.000 lao động đi làm việc tại các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp ngoài tỉnh.

Tuyển sinh và đào tạo cho 19.436 người, trong đó: cao đẳng 352 người; trung cấp 2.334 người; sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng 16.750 người, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 60%, đạt 100% so với kế hoạch.

Trong 6 tháng đầu năm 2023, ước tuyển sinh và đào tạo được 3.848 học viên (1.125 học viên trình độ sơ cấp, 2.723 học viên đào tạo dưới 03 tháng), tỷ lệ lao động qua đào tạo ước đạt 60,39% đạt 19,4% so với kế hoạch.

#### **1.4. Chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo**

- Năm 2021, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp trên địa bàn tỉnh đã thực hiện hỗ trợ kinh phí xây dựng, sửa chữa 259 nhà đại đoàn kết với tổng kinh phí hỗ trợ là 6.219 triệu đồng. Tỉnh Đoàn thanh niên đã vận động kinh phí, huy động đoàn viên thanh niên đóng góp ngày công giúp đỡ người dân sửa chữa 10 nhà nhân ái, hỗ trợ xây dựng 03 nhà đại đoàn kết, 05 ngôi nhà khăn quàng đỏ, hỗ trợ xây dựng 02 công trình trường học, 02 công làng văn hóa, 06 nhà văn hóa với tổng giá trị là 3.529 triệu đồng. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh vận động ủng hộ, xây mới và sửa chữa được 20 nhà ở trị giá 508 triệu đồng cho phụ nữ nghèo, phụ nữ đơn thân, phụ nữ khuyết tật có hoàn cảnh ĐBKK. Hội Cựu chiến binh hỗ trợ xóa nhà dột nát cho 20 hội viên trị giá 750 triệu đồng. Các huyện, thành phố đã hỗ trợ xây mới, sửa chữa được 85 nhà ở cho hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh ĐBKK với tổng giá trị trên 2.500 triệu đồng.

- Năm 2022, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và Ban vận động Quỹ “Vì người nghèo” tỉnh tiếp tục triển khai có hiệu quả, phối hợp với chính quyền, các tổ chức thành viên, các ngành liên quan rà soát, nắm tình hình về số hộ nghèo, hộ cận nghèo còn ở nhà dột nát, nhà tạm để hỗ trợ. Trong năm 2022, Ban vận động Quỹ “Vì người nghèo” các cấp đã vận động được số tiền trên 15 tỷ đồng (thu ủng hộ trực tiếp: 7,5 tỷ đồng; thu tài trợ, viện trợ: 6,7 tỷ đồng; thu vận động từ nguồn Quỹ Cứu trợ tỉnh hỗ trợ xây dựng nhà bị thiệt hại do mưa lũ gây ra số tiền là 760 triệu đồng) và vận động ủng hộ trực tiếp theo địa chỉ số tiền 400 triệu đồng. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Ban vận động Quỹ “Vì người nghèo” các cấp trong tỉnh hỗ trợ xây dựng 289 nhà đại đoàn kết cho các hộ nghèo (xây mới: 245 nhà, sửa chữa: 44 nhà), tổng trị giá 8,3 tỷ đồng.

#### **1.5. Chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo**

- Chỉ đạo Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thuộc Sở Tư pháp tiến hành thụ lý, trợ giúp pháp lý cho người nghèo. Tổng số vụ việc trợ giúp pháp lý trong năm 2021 là 425 vụ việc, trong đó thực hiện 29 vụ việc trợ giúp pháp lý cho 29 đối tượng là người thuộc hộ nghèo (chiếm 6,8% tổng số vụ việc; tư vấn pháp luật: 01 vụ việc, tham gia tố tụng: 28 vụ việc). Tổ chức 05 hội nghị tuyên truyền phổ biến pháp luật về bầu cử và hội nghị bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật tại các huyện Trảng Định, Lộc Bình, Đình Lập, Văn Quan, Cao Lộc với hơn 1.300 đại biểu. Năm 2022, tổng số 174 vụ việc trợ giúp pháp lý (10 vụ việc tư vấn; 164 vụ việc tham gia tố tụng, trong đó số vụ việc trợ giúp pháp lý cho người thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội ĐBKK, nhóm người thuộc diện được trợ giúp pháp lý có khó khăn về tài chính là 132 vụ việc (*chiếm 75,8% tổng số vụ việc*). Duy trì việc viết tin, bài trên Trang thông tin điện tử của Cục Trợ giúp pháp lý, Trang thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật của tỉnh và Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp, Báo Lạng Sơn, duy trì đường dây nóng về trợ giúp pháp lý.

- Các hình thức tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật đã kịp thời cung cấp kiến thức, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến với người dân ở các xã nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của Nhân dân nói chung và người dân ở các xã nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng, giúp Nhân dân yên tâm lao động sản xuất, vươn lên thoát nghèo.

### ***1.6. Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, chính sách hỗ trợ thiếu đói giáp hạt***

- Thực hiện Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện, Quyết định số 60/2014/QĐ-TTg ngày 30/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện, trong năm 2021 toàn tỉnh phân bổ 11.443 triệu đồng hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách; thực hiện hỗ trợ tiền điện cho 15.811 hộ nghèo; năm 2022, kinh phí thực hiện hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách là 11.933 triệu đồng, hỗ trợ tiền điện cho 23.648 hộ nghèo.

- Năm 2022, thực hiện cứu đói cho các hộ gia đình trên địa bàn, tổng số 4.683 hộ, 15.572 nhân khẩu với 233.580 kg gạo, kinh phí 3.572,813 triệu đồng. Ngân sách tỉnh đối ứng hỗ trợ 13.065 kg gạo (UBND huyện Chi Lăng đã trích kinh phí từ nguồn đảm bảo xã hội huyện, mua 13.065 kg gạo hỗ trợ dịp giáp hạt cho 129 hộ, 408 nhân khẩu).

- Năm 2023, thực hiện cứu đói các hộ gia đình trên địa bàn cho 4.854 hộ với 17.115 nhân khẩu với 256.725 kg gạo từ nguồn dự trữ quốc gia cho tỉnh, với tổng kinh phí: 2.791,731 triệu đồng. Ngân sách tỉnh đối ứng hỗ trợ 11.445 kg gạo (UBND huyện Chi Lăng 11.175 kg, UBND huyện Đình Lập 270 kg).

### ***1.7. Chính sách đặc thù của tỉnh***

Chương trình số 40/CTr-BCĐ ngày 21/3/2014 của BCĐ giảm nghèo tỉnh về Chương trình vận động giúp đỡ hộ nghèo theo địa chỉ giai đoạn 2014 - 2020 tiếp tục được các cơ quan, đoàn thể duy trì và thực hiện hỗ trợ<sup>1</sup>, đã giúp cho các hộ có điều kiện phát triển sản xuất, thoát nghèo.

## **2. Kết quả thực hiện tín dụng chính sách xã hội hỗ trợ giảm nghèo năm 2021 và năm 2022**

UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo triển khai đầy đủ các chương trình tín dụng ưu đãi. Tổng dư nợ cho vay hộ nghèo đến thời điểm tháng 12/2021 đạt 753.709 triệu đồng, tổng số hộ nghèo dư nợ 15.226 hộ; cho vay học sinh, sinh viên 146 người với doanh số cho vay 2.718 triệu đồng, tổng số dư nợ cho vay học sinh, sinh viên đến thời điểm báo cáo là 18.866 triệu đồng; cho vay đối tượng thuộc hộ cận nghèo theo Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg ngày 23/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng cho vay hộ cận nghèo được 2.669 lượt hộ, doanh số 171.114 triệu đồng, dư nợ 491.267 triệu đồng; vay vốn sản xuất kinh doanh vùng ĐBKK đã cho 5.587 lượt hộ, tổng doanh số cho vay là 263.677 triệu đồng. Tổng dư nợ cho vay đối với hộ nghèo đến ngày 30/11/2022 là 806,7 tỷ đồng với 13.958 hộ còn dư nợ.

Nhìn chung hoạt động cho vay vốn đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo nhận được sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên của các cấp ủy đảng, chính quyền, sự phối hợp của các tổ chức đoàn thể. Công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của Nhà nước về chính sách cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp tục được triển khai. Hầu hết người dân thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách đều hiểu và được tiếp cận trực tiếp với chính sách. Việc cung ứng vốn cho nhu cầu vay hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo... được đáp ứng đủ và kịp thời qua nhiều kênh. Nguồn vốn cho vay đối với hộ nghèo chủ yếu được đầu tư vào phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp như trồng cây ăn quả, cây công nghiệp (Thông, Keo, Bạch đàn, Hồi...), hoa màu, chăn nuôi gia súc, gia cầm, chế biến nông - lâm sản, kinh doanh dịch vụ nhỏ... Việc đảm bảo vốn vay chính sách hỗ trợ tín dụng ưu đãi đã góp phần đồng hành, giúp đỡ hộ nghèo, hộ cận nghèo vươn lên trong cuộc sống. Qua chính sách tín dụng ưu đãi, 100% hộ có đủ điều kiện và nhu cầu đều được vay vốn ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội để đầu tư sản xuất, kinh doanh, người nghèo mạnh dạn hơn trong việc vay vốn, ý thức trách nhiệm cũng như kinh nghiệm sử dụng vốn vay được nâng lên, đây chính là yếu tố quan trọng góp phần giảm nghèo nhanh, bền vững.

## **V. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VÀ NHỮNG KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN**

<sup>1</sup>Từ năm 2021 đến nay, phong trào “Phụ nữ giúp nhau giảm nghèo có địa chỉ” đã giúp 230 hộ nghèo có chủ hộ là phụ nữ thoát nghèo, tiếp tục giúp 1.031 hội viên phụ nữ nghèo bằng các hình thức như cho vay không lấy lãi 265 triệu đồng tiền mặt, 2.225 ngày công, giúp 5.895 kg gạo, phân bón, cây giống trị giá 30 triệu đồng, hỗ trợ thu mua nông sản, hoa quả cho gia đình các hội viên phụ nữ gặp khó khăn trong dịp phòng, chống dịch Covid-19; vận động hội viên phụ nữ chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Tỉnh Đoàn đã thực hiện hỗ trợ thanh niên phát triển mô hình kinh tế trồng cây ăn quả với quy mô 350 cây bưởi da xanh và bưởi Diễn; 6 tháng đầu năm 2022, các cấp bộ Đoàn toàn tỉnh đã đăng ký giúp đỡ 119 hộ nghèo, hộ cận nghèo thanh niên làm chủ hộ bằng nhiều hình thức như giúp đỡ ngày công, tặng quà, hỗ trợ con giống, cây giống, hỗ trợ về nhà ở, tư vấn hỗ trợ vay vốn phát triển sản xuất, giới thiệu việc làm cho thanh niên hộ nghèo, hộ cận nghèo...



## **1. Kết quả đạt được**

- Trong thời gian qua, với sự quyết tâm lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, sáng tạo, linh hoạt của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị; cấp ủy, chính quyền các cấp trong triển khai thực hiện các Chương trình MTQG, tỉnh đã ban hành nhiều chương trình, kế hoạch cho cả giai đoạn và hàng năm, nhằm thực hiện đổi mới công tác giảm nghèo, khơi dậy khát vọng xây dựng cuộc sống ấm no của người dân và phát huy sức mạnh toàn diện của cả hệ thống chính trị trong công cuộc giảm nghèo trong điều kiện mới. Các sở, ngành chuyên môn của tỉnh đã tích cực, chủ động tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện nghị quyết và các chương trình, cơ chế, chính sách giảm nghèo theo quy định.

- Công tác tuyên truyền, quán triệt và triển khai thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và Nghị quyết số 47-NQ/TU được các cấp, các ngành thực hiện đầy đủ, bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh. BCĐ các Chương trình MTQG các cấp đã phát huy vai trò tham mưu giúp UBND các cấp chỉ đạo điều hành triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, mục tiêu và giải pháp về Chương trình giảm nghèo theo đúng chương trình, kế hoạch đã đề ra. Công tác tuyên truyền vận động đã được các cơ quan chức năng, UBND các huyện, thành phố quan tâm triển khai thực hiện, trong đó đã chú trọng đến việc nhân rộng, giới thiệu các cá nhân, tập thể, hộ gia đình tiêu biểu có ý chí vươn lên thoát nghèo. Các chính sách hỗ trợ người nghèo được thực hiện tốt như: hỗ trợ về cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo và người dân tộc thiểu số, hỗ trợ tiền điện... Công tác cứu đói giáp hạt được thực hiện có hiệu quả, góp phần giúp người nghèo ổn định cuộc sống, an tâm để đẩy mạnh sản xuất tăng thu nhập, giảm nghèo.

- Việc thực hiện hiệu quả các chính sách giảm nghèo đã góp phần tạo được niềm tin của Nhân dân với Đảng, với chính quyền, góp phần ổn định xã hội, quốc phòng - an ninh được bảo đảm. Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện nghiêm túc. 100% các chính sách giảm nghèo đều đến tay đối tượng và phát huy hiệu quả; những trường hợp phát hiện sai sót trong rà soát hộ nghèo đều có biện pháp chấn chỉnh và chỉ đạo phù hợp.

- Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022: tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh năm 2022 giảm 3,28% so với năm 2021 (từ 12,2% xuống còn 8,92%, tương đương giảm 6.013 hộ), đạt 109% kế hoạch.

## **2. Những khó khăn, hạn chế**

- Tỷ lệ giảm nghèo hằng năm tuy đạt và vượt mục tiêu, kế hoạch, nhưng không bền vững, tỷ lệ giảm nghèo chưa đồng đều giữa các xã, thị trấn, các chỉ tiêu thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản còn ở mức cao, đặc biệt các chỉ tiêu về nhà ở, nhà tiêu hợp vệ sinh và chỉ tiêu về việc làm gắn trực tiếp với thu nhập của người dân, tỷ lệ giảm hộ cận nghèo còn đạt thấp (1,71%), tiềm ẩn nguy cơ tái nghèo cao.

- Kết quả rà soát hộ nghèo, cận nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) trên địa bàn tỉnh năm 2021 (Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 06/02/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn) là 12,2%; trong khi mục tiêu, nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao tại phụ lục II kèm theo Quyết định số 652/QĐ-TTg: giảm tỷ lệ hộ nghèo hằng năm từ 3% (*tương ứng đến hết năm 2025 không còn hộ nghèo*) để đạt được mục tiêu giảm nghèo này trên địa bàn tỉnh là rất khó thực hiện.

- Việc sử dụng các nguồn vốn ưu đãi hỗ trợ phát triển sản xuất, tín dụng, giải quyết việc làm, nhân rộng mô hình giảm nghèo... còn dàn trải, thiếu tập trung, chưa phát huy hết hiệu quả. Sự phối hợp, huy động và lồng ghép các chương trình, dự án và nguồn lực chưa nhiều, chưa khai thác được nội lực để thực hiện có hiệu quả chương trình, dự án tại địa phương.

- Công tác tuyên truyền chưa trọng tâm, trọng điểm, chưa linh hoạt trong nội dung tuyên truyền, một bộ phận hộ nghèo chậm chuyển biến nhận thức, chưa tích cực, chủ động trong phát triển sản xuất để thoát nghèo và vươn lên làm giàu chính đáng.

- Việc chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ, giải pháp giảm nghèo ở cơ sở một số nơi còn thiếu quyết liệt, chưa sâu sát.

- Việc thực hiện nguồn vốn đầu tư, thẩm định danh mục thiết bị đào tạo còn kéo dài thời gian nên việc trình phê duyệt và thực hiện các bước lựa chọn nhà thầu còn chậm so với kế hoạch đề ra; phần lớn các Ban quản lý dự án của trường là kiêm nhiệm nên trách nhiệm chưa cao, nghiệp vụ chưa sâu, thường giao phó cho các đơn vị tư vấn, cơ quan thẩm tra và tư vấn giám sát.

- Quá trình triển khai các quy định, chính sách, hướng dẫn của Chính phủ và các bộ, ngành còn gặp một số khó khăn, vướng mắc như:

+ Thủ tướng Chính phủ đã giao kế hoạch vốn đầu tư trung hạn tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 và dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện Chương trình tại Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022, tuy nhiên, đối với nguồn vốn sự nghiệp của Chương trình mới được giao năm 2022, chưa thông báo mức vốn cả giai đoạn 2021 - 2025, do vậy, địa phương gặp khó khăn trong việc xây dựng các danh mục nội dung dự án sử dụng vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình, nhất là việc lựa chọn, xác định quy mô các dự án về hỗ trợ phát triển sản xuất chuỗi liên kết cần thực hiện từ 2 - 3 năm.

+ Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 Chương trình MTQG, Bộ Tài chính quyết định giao dự toán bổ sung có mục tiêu vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững cho các địa phương theo từng lĩnh vực. Khi triển khai có nhiều nội dung chưa phù hợp với nhu cầu chi của địa phương, có lĩnh vực chi bị thừa kinh phí, có lĩnh vực chi bị thiếu kinh phí nên việc phân bổ nguồn vốn của các lĩnh vực chi trong cùng một dự án hoặc tiểu dự án gặp khó khăn.

+ Tiêu dự án 1 Dự án 4 phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững: vốn đầu tư: theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Giáo dục nghề nghiệp thì cơ sở giáo dục nghề nghiệp bao gồm: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp; Trường trung cấp và Trường cao đẳng; tại khoản 1 Điều 44 Luật Giáo dục năm 2019 thì cơ sở giáo dục thường xuyên bao gồm: Trung tâm Giáo dục thường xuyên; Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; Trung tâm Học tập cộng đồng và Trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên. Đối chiếu với các quy định trên thì các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên không thuộc đối tượng thụ hưởng các nội dung về giáo dục nghề nghiệp thuộc 03 Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 (gồm hỗ trợ sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị...). Do vậy, việc triển khai thực hiện dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp gặp rất nhiều khó khăn, nguồn lực lớn nhưng giới hạn về đối tượng, nội dung thực hiện. Nội dung này vướng mắc trên phạm vi cả nước nếu không được trung ương tháo gỡ thì không giải ngân được nguồn vốn đã giao. Vốn sự nghiệp: với quy định mỗi người chỉ được hỗ trợ đào tạo một lần theo chính sách và nội dung hỗ trợ đào tạo trùng lặp các nguồn vốn tại các tiêu dự án, dự án của Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi nên nguồn lao động nông thôn tham gia các khóa đào tạo từ 03 Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2023 cơ bản còn lại rất ít. Hiện nay số lượng giáo viên và học viên ít nên số lượng lớp đào tạo nghề và xây dựng biên soạn Chương trình đào tạo nghề hằng năm nhu cầu vốn ít hơn số vốn được giao (đặc biệt năm 2023).

+ Tiêu dự án 3 thuộc dự án 4 hỗ trợ việc làm bền vững: Thông tư số 11/2022/TT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Thông tư số 46/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính chưa quy định cụ thể về đối tượng, lực lượng, định mức chi cho công tác thu thập, cập nhật, điều chỉnh thông tin (ngày 15/8/2023 Bộ Tài chính mới ban hành Thông tư 55/2023-TT-BTC để thực hiện); Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Công an chưa thống nhất về phương án tổ chức thu thập, cập nhật, khai thác, sử dụng thông tin người lao động gắn với cơ sở dữ liệu về dân cư, do đó, chưa tổ chức triển khai thu thập thông tin người lao động trên thực tế. Phần mềm cơ sở dữ liệu người tìm việc - việc tìm người do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng, quản lý, hiện nay mới đang trong giai đoạn thí điểm do đó chưa được sử dụng, khai thác; hoạt động quản lý giao dịch việc làm chưa đáp ứng nhu cầu thực tế. Hiện nay chưa có khái niệm về việc làm bền vững, do đó việc thực hiện hoạt động hỗ trợ kết nối việc làm bền vững trên thực tế còn gặp khó khăn, thiếu căn cứ thực hiện thủ tục thanh toán hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

+ Tiêu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin thuộc Dự án 6 (vốn sự nghiệp): Công văn số 4139/BTTTT-KHTC ngày 09/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn thực hiện Tiêu dự án giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trong năm 2022, theo đó, Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị một số địa phương hoàn thành các nhiệm vụ đặc thù: *“ưu tiên kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đặc thù của Tiêu dự án đảm bảo triển khai thống nhất, đồng bộ; đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, không chồng chéo,*

*không dàn trải, tiết kiệm chi phí*” trong đó có tỉnh Lạng Sơn thực hiện ít nhất 15 đài truyền thanh. Tại Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 không quy định mức chi cụ thể đối với nhiệm vụ đặc thù. Do đó, năm 2022 tỉnh không thực hiện giải ngân được.

### **3. Nguyên nhân**

- Nguyên nhân chủ quan: một số cấp uỷ, chính quyền cấp cơ sở chưa thực sự quyết liệt, chủ động, sáng tạo trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Người dân chưa thực sự thay đổi về nhận thức (cách nghĩ và cách làm) một bộ phận không nhỏ người nghèo vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ nhà nước, chưa nỗ lực, chủ động vươn lên thoát nghèo. Khả năng tiếp nhận chính sách hỗ trợ của đồng bào dân tộc thiểu số còn hạn chế, nhận thức của người dân trong việc thay đổi tư duy sản xuất, tiếp thu, ứng dụng các tiến bộ về khoa học công nghệ vào sản xuất còn hạn chế, chưa thoát khỏi tập quán sản xuất nhỏ lẻ, thuần nông trong phát triển sản xuất.

- Nguyên nhân khách quan:

+ Một số nội dung văn bản hướng dẫn của trung ương chưa phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, một số nội dung hướng dẫn chưa cụ thể, chưa kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc của địa phương.

+ Do đặc điểm là tỉnh miền núi, tổ chức bộ máy và năng lực triển khai thực hiện của chính quyền cấp xã còn hạn chế, việc phân cấp mạnh mẽ đối với chính quyền cơ sở là cần thiết, tuy nhiên sẽ tạo áp lực không nhỏ cho việc triển khai thực hiện ở cấp xã.

+ Do ảnh hưởng của thời tiết, tình hình dịch bệnh trên đàn vật nuôi tiếp tục có những diễn biến phức tạp, dịch COVID-19 cao điểm trong nửa năm đầu 2022..., do đó đối tượng tham gia còn hạn chế, ảnh hưởng đến kết quả triển khai thực hiện chương trình giảm nghèo trên địa bàn tỉnh.

+ Trong quá trình thực hiện các dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo, người đại diện cộng đồng dân cư ở nhiều địa phương không đủ năng lực để thực hiện các hoạt động đầu thầu. Do vậy, địa phương gặp khó khăn khi thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thông qua đơn vị chủ trì liên kết và thông qua người đại diện do cộng đồng lựa chọn được quy định tại khoản 5 Điều 21 và khoản 5 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

### **4. Bài học kinh nghiệm**

a) Cấp uỷ, chính quyền các cấp phải quán triệt đầy đủ trách nhiệm và vai trò lãnh đạo của mình; phải huy động được sự tham gia của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội mới có thể thành công. Thực hiện quyết liệt ngay từ giai đoạn lập kế hoạch chung cũng như từng dự án và có sự phân công trách nhiệm cho cơ

quan, người chủ trì thực hiện; kịp thời phân bổ kinh phí chi tiết cho từng dự án, nội dung ngay từ đầu năm.

b) Vai trò của người dân, đặc biệt là bản thân người nghèo là nhân tố quyết định đến sự bền vững của chương trình giảm nghèo. Vì vậy, phải khơi dậy ý chí tự lực vươn lên của chính bản thân người nghèo, kết hợp với các chính sách hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng xã hội để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững.

c) Nguồn lực Nhà nước đóng vai trò quyết định, cần được ưu tiên và bố trí kịp thời để thực hiện chương trình giảm nghèo, ưu tiên cho các địa bàn khó khăn hơn; đồng thời có cơ chế để huy động nguồn lực hỗ trợ từ cộng đồng, doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế và chính bản thân hộ nghèo trong thực hiện mục tiêu giảm nghèo.

d) Trên cơ sở Chương trình giảm nghèo bền vững cần xây dựng kế hoạch, giải pháp cụ thể trên địa bàn để tổ chức thực hiện; phân công trách nhiệm cụ thể cho các cấp, các ngành. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm trong chỉ đạo. Thực tế cho thấy nơi nào, địa phương nào cấp uỷ, chính quyền quan tâm chỉ đạo, có sự phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương, thực hiện phân cấp, mở rộng sự tham gia của người dân thì nơi đó công tác giảm nghèo đạt hiệu quả cao và ngược lại.

đ) Công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện chương trình giảm nghèo cần được tổ chức thường xuyên ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở, từ việc xác định đối tượng thụ hưởng đến việc tổ chức thực thi chính sách. Thông qua đó để hạn chế các tiêu cực, lợi dụng chính sách, đồng thời phát hiện những hạn chế, bất hợp lý để kiến nghị sửa đổi, bổ sung kịp thời.

e) Thường xuyên tổ chức các hình thức truyền thông về giảm nghèo đa dạng, phù hợp để chủ trương, chính sách giảm nghèo của Đảng và Nhà nước đến được với người nghèo. Phát hiện, phổ biến các mô hình, điển hình giảm nghèo có hiệu quả để nhân rộng; phê phán các hiện tượng tiêu cực, không muốn thoát nghèo. Tuyên truyền nâng cao nhận thức giảm nghèo, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội nhằm thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững.

f) Coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ và tập huấn về kiến thức triển khai thực hiện các Chương trình MTQG cho đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là đội ngũ cán bộ ở cơ sở xã, thôn, bản, những người trực tiếp chỉ đạo thực hiện Chương trình. Phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ ở thôn, bản, người có uy tín. Mỗi cán bộ, đảng viên trở thành những điển hình gương mẫu, nhiệt huyết trong thực hiện Chương trình. Nghiêm túc thực hiện nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch trong quản lý, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình tại địa phương.

## **VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

UBND tỉnh kiến nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội một số nội dung như sau:

1. Hướng dẫn cụ thể khái niệm, tiêu chí và cách xác định các đối tượng là “người lao động có thu nhập thấp”; “người dân trên địa bàn nông thôn” và “lao động nông thôn” được hỗ trợ học nghề; đối tượng là “Người khuyết tật (không có sinh kế ổn định)” để địa phương thực hiện các nội dung hỗ trợ dự án theo từng chính sách tại các Chương trình MTQG.

2. Hướng dẫn lồng ghép các nguồn vốn thuộc 03 Chương trình MTQG để thực hiện các nội dung công việc có sự trùng lặp (ví dụ: công tác hỗ trợ đào tạo nghề chung, tư vấn - giới thiệu việc làm, giảm nghèo cho tất cả các đối tượng). Cho phép các địa phương được sử dụng, thanh quyết toán chung nguồn vốn từ các Chương trình MTQG để thực hiện các nội dung công việc có sự trùng lặp ở 03 Chương trình MTQG do 03 cơ quan cấp Bộ chủ quản khác nhau nhằm tạo sự thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện, theo dõi và thanh quyết toán (đều là từ ngân sách nhà nước).

3. Hướng dẫn đồng bộ địa phương triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm, tham mưu đề xuất Chính phủ tăng kinh phí trung ương phân bổ cho cấp tỉnh để triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng phần mềm trong công tác tổng hợp, thu thập thông tin và thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2021 - 2025.

4. Xem xét điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu số 5 tại phiếu B1 và phiếu xác định thu nhập hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình

- Đối với chỉ tiêu số 5: hộ có ít nhất 01 người đang làm việc phi nông nghiệp (làm việc từ 03 tháng trở lên trong 12 tháng qua) tại mục “làm việc có hợp đồng lao động và làm thuê/làm công cho hộ gia đình/tự sản xuất kinh doanh” đề nghị điều chỉnh bổ sung tính thêm số điểm đối với hộ có 02 người, 03 người...

- Đối với phiếu xác định hộ có mức sống trung bình đề nghị xem xét ban hành phiếu chấm điểm như phiếu rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và quy định mức điểm đối với hộ có mức sống trung bình.

5. Đề xuất về đối tượng thụ hưởng của Chương trình: đề nghị bổ sung thêm cơ chế chính sách đối với các hộ mới thoát cận nghèo, hộ có thu nhập thấp tham gia các dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và đối tượng thụ hưởng rộng hơn.

6. Để tạo điều kiện cho người lao động được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng, qua đó người lao động có cơ hội chuyển đổi việc làm và ứng dụng khoa học, kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất, kinh doanh, đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép điều chỉnh nội dung tại khoản 2 Điều 3 Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng theo hướng như sau: “Mỗi người chỉ được hỗ trợ đào tạo một lần **trong một chính sách**, những người đã được hỗ trợ đào tạo **một lần từ một chính sách** thì không được tiếp tục hỗ trợ đào tạo **theo chính sách đó**. Riêng những người đã được hỗ trợ đào tạo nhưng bị mất việc làm do nguyên nhân khách quan thì Ủy

ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định tiếp tục hỗ trợ đào tạo để chuyển đổi việc làm **theo chính sách đó**, nhưng tối đa không quá 03 lần **hoặc có thể tiếp tục được hỗ trợ đào tạo theo những chính sách khác**”.

7. Để tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương hoàn thành kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cho phép thực hiện nội dung phân bổ vốn đầu tư phát triển thuộc Tiểu dự án 1 Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững để hỗ trợ đầu tư: **“Cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo”** theo quy định tại điểm a khoản 4 mục III Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/10/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

(Có các biểu từ số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15 kèm theo).

UBND tỉnh Lạng Sơn trân trọng báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Văn phòng QG giảm nghèo (Bộ LĐTBXH);
- Cục Bảo trợ xã hội (Bộ LĐTBXH);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- C, PVP UBND tỉnh, các Phòng: KG-VX, TH, NC, KT, TT TT;
- Lưu: VT, KG-VX(NCD).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lương Trọng Quỳnh**